



**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

*

Số 05-QĐ/BCĐTW

QUY ĐỊNH
về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị
dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

- Căn cứ Quyết định số 229-QĐ/TW, ngày 10/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

- Căn cứ Quy định số 230-QĐ/TW, ngày 10/01/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

- Căn cứ Kết luận số 177-KL/TW, ngày 11/7/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng tổ chức, hoạt động của đơn vị hành chính 2 cấp bảo đảm thông suốt, hiệu quả;

- Căn cứ Quy chế làm việc số 01-QC/BCĐTW, ngày 28/02/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

- Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Căn cứ Quyết định số 259-QĐ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Văn phòng Trung ương Đảng,

Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ban hành quy định về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị (sau đây gọi tắt là *Mô hình*) với nội dung cụ thể như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục tiêu, yêu cầu và phạm vi áp dụng

a) Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát:

Kiến tạo không gian số quốc gia thống nhất để tái cấu trúc căn bản, toàn diện phương thức vận hành của hệ thống chính trị, chuyển từ phương thức quản trị truyền thống sang quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả dựa trên dữ liệu và công nghệ số.

Thay đổi tư duy và phương thức quản trị, làm cơ sở xây dựng Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số, hướng tới hệ thống quản trị minh bạch, hiệu quả, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

- Mục tiêu cụ thể:

Quy định Mô hình liên thông số quốc gia đồng bộ, trên cơ sở hạ tầng, dữ liệu, nền tảng số và ứng dụng dùng chung, nhằm loại bỏ tình trạng cát cứ thông tin, phân mảnh đầu tư, hình thành tài nguyên số quốc gia chung, sử dụng dữ liệu, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo làm động lực phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.. Việc triển khai Mô hình hướng tới các kết quả cụ thể, có thể đo lường bằng các chỉ số (KPIs) về tăng tính minh bạch, chính xác, rút ngắn thời gian, chi phí tuân thủ, nâng cao năng lực phân tích, dự báo và hoạch định chính sách.

b) Yêu cầu

Việc xây dựng và triển khai Mô hình phải được xem là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm, đòi hỏi sự thay đổi mang tính cách mạng về tư duy và phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành ở tất cả các cấp, các ngành. Đây là yêu cầu cấp thiết để triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) và phục vụ hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp, nâng cao năng lực quản trị quốc gia.

Việc triển khai Mô hình đi đôi với hoàn thiện khung pháp lý về kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng, bảo vệ dữ liệu. Mô hình phải được thiết kế theo kiến trúc mở, linh hoạt, dễ dàng cập nhật, tích hợp các công nghệ mới.

c) Phạm vi áp dụng

Mô hình này được áp dụng thống nhất, đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị, bao gồm các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

và các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương. Việc áp dụng tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được thực hiện theo lộ trình phù hợp do Ban Chỉ đạo Trung ương hướng dẫn.

2. Các nguyên tắc cốt lõi

Việc xây dựng, triển khai, vận hành và đánh giá Mô hình phải tuân thủ nghiêm ngặt 7 nguyên tắc cốt lõi, chuyển từ tư duy "quản lý hành chính" sang "quản trị phát triển", cụ thể như sau:

a) Nguyên tắc 1. Quản trị dựa trên kết quả

Mục tiêu cao nhất và cũng là thước đo thành công của từng hợp phần trong Mô hình là tạo ra những kết quả thực chất, có thể định lượng, đo lường và kiểm chứng được. Các kết quả trọng tâm cần đạt được bao gồm: nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp; rút ngắn thời gian xử lý công việc của cơ quan nhà nước; giảm chi phí tuân thủ của doanh nghiệp và xã hội; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực công. Mọi quyết định về chủ trương đầu tư, thiết kế kỹ thuật và quy trình vận hành phải được xem xét, thẩm định, đánh giá trên cơ sở hiệu quả mang lại cho xã hội và quốc gia.

b) Nguyên tắc 2. Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu theo thời gian thực

Dữ liệu phải được xác định là tài sản chiến lược, giữ vị trí trung tâm trong mọi quy trình nghiệp vụ và là nền tảng cho mọi quyết sách; không chỉ dừng lại ở chức năng thống kê, báo cáo sau khi sự việc đã diễn ra. Lãnh đạo các cấp, các ngành cần từng bước chuyển đổi phương thức chỉ đạo, điều hành sang mô hình ra quyết định dựa trên dữ liệu được phân tích, dự báo, trực quan, tin cậy, cập nhật theo thời gian thực; thay thế phương thức truyền thống dựa chủ yếu vào báo cáo tổng hợp bằng văn bản giấy có độ trễ, thiếu khách quan và chưa phản ánh đầy đủ bối cảnh.

Đối với các địa phương có điều kiện hạ tầng mạng còn hạn chế, cho phép cập nhật dữ liệu theo chu kỳ phù hợp, song phải bảo đảm yêu cầu kịp thời, chính xác cho công tác chỉ đạo, điều hành. Mọi hoạt động thu thập, xử lý, khai thác dữ liệu phải được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu.

c) Nguyên tắc 3. Vận hành thông minh và tự động hoá trên cơ sở ưu tiên ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI First)

Mô hình cần được thiết kế với tầm nhìn tích hợp sâu rộng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ tự động hoá vào quy trình xử lý nghiệp vụ một cách thông suốt,

bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật dữ liệu. Riêng các hệ thống AI phải được thiết kế và vận hành theo cách đảm bảo tính minh bạch, công bằng, an toàn và có trách nhiệm (AI trustworthy). Kiên quyết xoá bỏ các quy trình thủ công, đẩy mạnh tự động hoá tối đa nhằm giải phóng sức lao động cho cán bộ, công chức, viên chức, tạo điều kiện tập trung vào nhiệm vụ mang tính phân tích, sáng tạo, tương tác phức tạp và hoạch định chính sách, thay cho các công việc sự vụ, hành chính thuần túy.

d) Nguyên tắc 4. Phân cấp, phân quyền mạnh mẽ trên nền tảng số

Trung ương tập trung vào vai trò kiến tạo thể chế, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, xây dựng và vận hành các nền tảng số dùng chung, đồng thời thực hiện chức năng giám sát việc tổ chức thực hiện dựa trên dữ liệu. Các cơ quan chính quyền địa phương được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phát huy tính chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở khai thác, vận hành các nền tảng số dùng chung.

Nền tảng số tạo điều kiện thực hiện giám sát kết quả theo thời gian thực, là cơ sở vững chắc để Trung ương tin tưởng trao quyền cho địa phương, đồng thời vẫn bảo đảm sự điều hành thống nhất của quốc gia. Thực hiện nghiêm nguyên tắc: cấp nào quản lý đối tượng nào trong thực tiễn thì phải chịu trách nhiệm tạo lập, cập nhật và bảo đảm tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu về đối tượng đó trên môi trường số.

đ) Nguyên tắc 5. Lấy người dùng làm trung tâm với hệ sinh thái dịch vụ hợp nhất

Kiên quyết chấm dứt tình trạng phân mảnh, rời rạc trong trải nghiệm của người dân và doanh nghiệp khi tương tác với cơ quan nhà nước, khắc phục tình trạng mỗi bộ, ngành, địa phương xây dựng một cổng dịch vụ công, ứng dụng riêng biệt. Cổng Dịch vụ công Quốc gia và ứng dụng định danh điện tử VNeID phải được phát triển thành hệ sinh thái thống nhất, đồng bộ, liền mạch, với thiết kế bao trùm, bảo đảm khả năng tiếp cận cho mọi đối tượng, nhất là người yếu thế; tích hợp các tính năng hỗ trợ cần thiết như hướng dẫn bằng giọng nói, hỗ trợ ngôn ngữ dân tộc thiểu số. Đây là hai kênh giao tiếp chính thức, nơi người dân, doanh nghiệp chỉ cần sử dụng một định danh duy nhất để được phục vụ toàn diện, thông minh, thuận tiện, cá nhân hoá, không phải cung cấp lại những thông tin đã có.

e) Nguyên tắc 6. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng là yêu cầu tiên quyết, xuyên suốt

An toàn thông tin, an ninh mạng phải được xác định là yếu tố sống còn, điều kiện tiên quyết trong toàn bộ quá trình thiết kế, xây dựng, vận hành và

nâng cấp các thành phần của Mô hình. Thực hiện nghiêm việc đánh giá và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; mọi hoạt động kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu phải sẵn sàng phương án sao lưu, dự phòng, bảo đảm an toàn hệ thống, kế hoạch ứng phó, khắc phục sự cố và khôi phục dữ liệu đầy đủ, toàn vẹn, liên tục, tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu.

g) Nguyên tắc 7. Thúc đẩy phát triển dữ liệu mở, nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và đổi mới sáng tạo

Dữ liệu của các cơ quan trong hệ thống chính trị, trừ dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân nhạy cảm và dữ liệu có yêu cầu bảo mật theo quy định của pháp luật, phải được công khai, chia sẻ dưới dạng dữ liệu mở để phục vụ cộng đồng, doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu và người dân. Việc mở dữ liệu phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về dữ liệu và giao dịch điện tử; Việc cung cấp dữ liệu mở nhằm nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội giám sát, đánh giá hiệu quả quản trị, từ đó tăng cường niềm tin và trách nhiệm giải trình; đồng thời tạo nền tảng để cá nhân, tổ chức khai thác, sử dụng dữ liệu, thúc đẩy phát triển các sản phẩm, dịch vụ số, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội dựa trên giá trị dữ liệu mang lại.

Các nguyên tắc của Mô hình gắn bó chặt chẽ, bổ trợ lẫn nhau, tạo thành một tổng thể thống nhất. Trong đó, bảo đảm an toàn, an ninh mạng (Nguyên tắc 6) là nền tảng để các nguyên tắc còn lại có thể được triển khai một cách tin cậy và bền vững. Trên nền tảng an toàn đó, Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu (Nguyên tắc 2) chỉ khả thi khi có hệ thống vận hành thông minh, tự động thu thập dữ liệu (Nguyên tắc 3). Dữ liệu thu thập được cho phép Trung ương giám sát hiệu quả, từ đó phân cấp, phân quyền cho địa phương (Nguyên tắc 4). Hiệu quả của việc phân quyền và toàn bộ mô hình được đo lường bằng kết quả thực chất (Nguyên tắc 1), hướng đến sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp thông qua một hệ sinh thái hợp nhất, lấy người dùng làm trung tâm (Nguyên tắc 5). Niềm tin của người dùng đối với hệ sinh thái lại được củng cố bởi sự bảo đảm về an toàn, an ninh mạng (Nguyên tắc 6). Trên cơ sở đó, việc công khai, chia sẻ, mở dữ liệu (Nguyên tắc 7) không chỉ tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình mà còn thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khai thác tối đa giá trị từ dữ liệu, tạo thành một vòng tuần hoàn khép kín và liên tục được hoàn thiện.

Chương II

KIẾN TRÚC TỔNG THỂ CỦA MÔ HÌNH

Mô hình được xây dựng theo kiến trúc tổng thể đa lớp, bảo đảm tính nhất quán, khả năng mở rộng, an toàn, an ninh mạng. Kiến trúc bao gồm 04 lớp chính với dữ liệu và trí tuệ nhân tạo đóng vai trò hạt nhân trung tâm, kết nối và vận hành xuyên suốt toàn bộ hệ thống.

1. Tổng quan kiến trúc 4 lớp

Kiến trúc tổng thể của Mô hình được thiết kế theo các lớp chức năng từ dưới lên, bao gồm: (1) Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung. (2) Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi. (3) Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung. (4) Lớp Kênh tương tác và đo lường hiệu quả. Sự phân lớp này giúp phân định rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan và bảo đảm các thành phần có thể được phát triển độc lập nhưng vẫn tương thích và kết nối chặt chẽ với nhau.

2. Lớp 1. Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung

Đây là lớp nền tảng vật lý và logic, cung cấp các tài nguyên cơ bản và kết nối an toàn cho toàn hệ thống chính trị, bao gồm:

- Trung tâm Dữ liệu Quốc gia và Nền tảng điện toán đám mây trong Trung tâm dữ liệu quốc gia do Bộ Công an chủ trì xây dựng và vận hành. Đây là hạ tầng trung tâm, cung cấp tài nguyên tính toán, lưu trữ, sao lưu dự phòng một cách tập trung, thống nhất, hiệu năng cao và bảo đảm an toàn, an ninh ở cấp độ cao nhất cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan trong hệ thống chính trị.

- Mạng thông tin diện rộng của Đảng có độ tin cậy và bảo mật cao nhất, được định hướng phát triển thành mạng lõi dùng chung cho các kết nối và trao đổi thông tin yêu cầu độ mật, độ tin cậy cao nhất của các cơ quan trong hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc). Việc xác định là mạng lõi mang ý nghĩa chiến lược, bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp của Đảng trong không gian số và tạo ra hạ tầng truyền dẫn an toàn, đáng tin cậy cho các hoạt động chỉ đạo, điều hành cốt yếu của quốc gia.

- Mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (Mạng TSLCD) là mạng được sử dụng trong hoạt động truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, để kết nối các cơ quan, được duy trì và phát triển để đảm bảo an toàn thông tin, tách biệt với mạng Internet công cộng, phục vụ các hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước các cấp.

- Hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ do Ban Cơ yếu Chính phủ chủ quản, cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số để xác thực và bảo đảm tính pháp lý, toàn vẹn cho các văn bản, giao dịch điện tử trong các cơ quan thuộc trong hệ thống chính trị.

- Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia do Bộ Công an quản lý, thực hiện giám sát an ninh mạng tập trung, phát hiện và điều phối ứng phó sự cố.

- Các kết nối đặc thù cho vùng sâu, vùng xa và vùng có điều kiện địa lý đặc biệt: Sử dụng các công nghệ kết nối phù hợp (Internet vệ tinh, di động 4G/5G,...) để đảm bảo kết nối ổn định.

- Hạ tầng bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu đầu cuối: Do chủ quản hệ thống thông tin đầu cuối chịu trách nhiệm triển khai.

3. Lớp 2. Dữ liệu và nền tảng lõi

Đây là lớp trung tâm, có vai trò quan trọng của Mô hình, nơi dữ liệu được tạo ra, lưu trữ, chia sẻ và xử lý thành tri thức. Dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu (CSDL) phải được chuẩn hoá, bảo đảm nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống".

- Các CSDL quốc gia, chuyên ngành: Bao gồm các CSDL quốc gia (Dân cư, Đất đai, Doanh nghiệp,...) và các CSDL chuyên ngành do các Bộ, ngành chủ quản xây dựng, bao gồm cả các CSDL đặc thù (dữ liệu về đồng bào dân tộc thiểu số, quản lý biên giới...), là nguồn cung cấp dữ liệu gốc, cốt lõi cho mọi hoạt động của Chính phủ số.

- Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia và Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia do Bộ Công an chủ trì, là thành phần cốt lõi để phân tích, cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành vĩ mô.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (NDXP): Là nền tảng trung gian, đóng vai trò quan trọng cho việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL của các cơ quan nhà nước, bảo đảm dữ liệu được chia sẻ thông suốt, an toàn và tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Nền tảng định danh và xác thực điện tử: Là nền tảng cung cấp danh tính số duy nhất cho công dân, doanh nghiệp và các chủ thể khác, cho phép xác thực và truy cập vào các dịch vụ số của hệ thống chính trị một cách an toàn, tin cậy.

- Bản đồ số quốc gia và hệ thống mã bưu chính, đảm bảo định vị chính xác các đối tượng quản lý.

- Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI): Được xác định là trung tâm của quốc gia số. Để đảm bảo tính khả thi, nền tảng này không phải là một ứng dụng AI duy nhất, mà là một hạ tầng dịch vụ (Platform-as-a-Service) cung cấp các tài nguyên dùng chung như: năng lực tính toán hiệu năng cao, các mô hình nền tảng (foundation models) đã được huấn luyện sẵn và các dịch vụ AI lõi (thông qua giao diện lập trình ứng dụng - API) cho toàn bộ hệ thống (như xử lý ngôn ngữ tự nhiên, bao gồm cả các ngôn ngữ dân tộc thiểu số, nhận dạng hình ảnh, phân tích dự báo, trợ lý ảo...), giúp các bộ, ngành, địa phương có thể khai thác năng lực AI, không cần đầu tư riêng lẻ, tốn kém.

4. Lớp 3. Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung

Lớp này bao gồm các hệ thống ứng dụng, nền tảng số phục vụ các nghiệp vụ chung, xuyên suốt trong toàn hệ thống chính trị, được xây dựng trên nguyên tắc dùng chung để tránh trùng lặp, lãng phí như:

- Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

- Trục Liên thông văn bản quốc gia.

- Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia (bao gồm Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Hệ thống thông tin báo cáo bộ, cơ quan, địa phương).

- Hệ thống thư điện tử (email) công vụ thống nhất.

- Nền tảng họp trực tuyến quốc gia.

- Nền tảng quản lý cán bộ, công chức, viên chức quốc gia.

- Các nền tảng, ứng dụng chuyên ngành đặc thù phục vụ công tác tuyên giáo, dân vận, quản lý biên giới, cảnh báo thiên tai và các nhiệm vụ khác của các cơ quan trong hệ thống chính trị.

5. Lớp 4. Kênh tương tác và đo lường hiệu quả

Đây là lớp giao diện, nơi người dùng (cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp) tương tác với hệ thống và là nơi hiệu quả của toàn bộ Mô hình được đo lường.

- Giao diện tương tác chính: Cổng Dịch vụ công Quốc gia (dành cho giao diện web) và Ứng dụng VNeID (dành cho di động) là hai kênh giao tiếp chính. Ngoài hai kênh giao tiếp chính, các địa phương căn cứ điều kiện thực tế để phát triển các kênh tiếp cận bổ trợ (điểm hỗ trợ tại cộng đồng, dịch vụ lưu động...) bảo đảm mọi người dân đều có thể tiếp cận.

- Công cụ chỉ đạo, điều hành: Các Bảng thông tin điều hành (Dashboard) giám sát, điều hành quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương. Các dashboard này trực quan hoá dữ liệu từ Nền tảng AI, cung cấp cho lãnh đạo cái nhìn toàn cảnh, thời gian thực về tình hình, làm cơ sở cho việc ra quyết định.

- Khung giám sát và đo lường kết quả (KPIs): Là hệ thống các chỉ số đo lường hiệu suất, hiệu quả, được thiết kế để đánh giá sự thành công của toàn bộ Mô hình. Khung KPIs này phải gắn trực tiếp với các mục tiêu tại Nguyên tắc 1 (Quản trị dựa trên kết quả). Các chỉ số phải được đo lường tự động từ dữ liệu thời gian thực của hệ thống.

Kiến trúc này tạo ra một chu trình khép kín: Dữ liệu từ các CSDL (Lớp 2) được Nền tảng AI (Lớp 2) xử lý thành thông tin và tri thức. Tri thức này được trực quan hoá trên các Dashboard (Lớp 4) để lãnh đạo chỉ đạo, điều hành. Hiệu quả của các chỉ đạo này được đo lường bằng Khung KPIs (Lớp 4), qua đó hiện thực hoá Nguyên tắc Quản trị dựa trên kết quả.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để Mô hình được triển khai đồng bộ và hiệu quả, Ban Chỉ đạo Trung ương phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị và quy định chế độ báo cáo, đôn đốc, kiểm tra, cụ thể như sau:

1. Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương

a) Làm đầu mối, điều phối, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các cơ quan Trung ương và địa phương. Kịp thời báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo xem xét, chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

b) Chủ trì tổ chức các cuộc họp kỹ thuật, làm việc giữa các bên liên quan để thống nhất các nội dung về kiến trúc, kỹ thuật, lộ trình, bảo đảm việc hoàn thiện các hợp phần của Mô hình đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo, Bộ Công an, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan hoàn thiện trình cấp có thẩm quyền ban hành "Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số Việt Nam" trong tháng 9/2025.

Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số phải thể hiện rõ 07 nguyên tắc cốt lõi đã nêu tại Chương I Quy định này; làm rõ vai trò và định hướng phát triển Mạng thông tin diện rộng của Đảng thành mạng lõi; đồng thời bổ sung, chi tiết hoá các hợp phần chiến lược là "Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung" và "Khung giám sát và đo lường kết quả (KPIs)".

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ và các cơ quan liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định cụ thể về cơ chế phối hợp, chia sẻ trách nhiệm, quyền sở hữu, truy cập, khai thác và bảo mật dữ liệu trong Mô hình, đặc biệt đối với dữ liệu nhạy cảm, dữ liệu liên quan đến quốc phòng, an ninh.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp có liên quan thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và sớm công bố mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) cho tiếng Việt để làm nền tảng phát triển các ứng dụng AI chuyên ngành.

d) Chủ trì xây dựng, vận hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và Hệ thống thư điện tử (email) công vụ thống nhất.

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan đánh giá toàn diện về thực trạng, nhu cầu về hạ tầng, công nghệ, nhân lực đối với dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; đồng thời, khẩn trương hoàn thiện dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo để

tạo hành lang pháp lý đồng bộ, đầy đủ thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và đầu tư tập trung, đồng bộ, thống nhất, tránh dàn trải, manh mún, thiếu hiệu quả.

3. Bộ Công an

a) Chủ trì, đẩy nhanh tiến độ xây dựng, đưa vào vận hành hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia, Nền tảng điện toán đám mây trong Trung tâm dữ liệu quốc gia và phối hợp với các bộ, cơ quan thúc đẩy triển khai xây dựng, đưa vào vận hành các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

b) Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan trong việc hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, từ điển dữ liệu dùng chung và các văn bản liên quan đến dữ liệu theo nhiệm vụ được giao để hoàn thiện hành lang pháp lý về dữ liệu đồng bộ, hiệu quả.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan phát triển Nền tảng định danh và xác thực điện tử (VNeID) trở thành ứng dụng tập trung phục vụ công dân số, là kênh giao tiếp của người dân với các cơ quan trong hệ thống chính trị.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện giám sát an ninh mạng, điều phối ứng phó, khắc phục sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng cho các thành phần trong Mô hình; hướng dẫn các bộ ngành, địa phương trong việc bảo đảm phương án dự phòng, ứng phó sự cố, khôi phục dữ liệu trong kết nối, chia sẻ. liên thông dữ liệu.

4. Văn phòng Chính phủ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục nâng cấp, phát triển và vận hành hiệu quả các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý có quy mô quốc gia như: Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Trục liên thông văn bản quốc gia, Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Nền tảng hợp trực tuyến quốc gia. Các hệ thống này phải được tái cấu trúc để trở thành các nền tảng dùng chung thực sự, tích hợp chuyên sâu các dịch vụ trí tuệ nhân tạo để nâng cao trải nghiệm người dùng và hiệu quả vận hành.

5. Ban Cơ yếu Chính phủ

a) Chủ trì xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật về mật mã, cơ yếu, chữ ký số chuyên dùng áp dụng thống nhất trong hệ thống chính trị.

b) Chủ trì, tham gia kiểm định, đánh giá an toàn, bảo mật các hệ thống, nền tảng, dữ liệu dùng chung trước khi đưa vào vận hành.

6. Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

a) Khẩn trương xây dựng hoặc cập nhật Khung Kiến trúc hoặc Kiến trúc chuyển đổi số của khối cơ quan mình

b) Chủ trì xây dựng các nền tảng số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm tuân thủ tuyệt đối và liên thông, đồng bộ với Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số.

c) Cử đầu mối có thẩm quyền và năng lực tham gia chặt chẽ vào quá trình hoàn thiện Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì.

7. Các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương

Theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tổ chức triển khai Mô hình trong toàn ngành, lĩnh vực, địa phương mình; ban hành hoặc cập nhật Kiến trúc chuyển đổi số của bộ, cơ quan, địa phương bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số.

b) Bảo đảm kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của bộ, cơ quan, địa phương mình với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của dữ liệu do mình quản lý.

c) Xây dựng, duy trì cơ chế bảo đảm an toàn, an ninh mạng, phương án ứng phó sự cố và khôi phục dữ liệu, tuân thủ pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và bảo vệ bí mật nhà nước.

d) Bố trí nguồn lực, chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để triển khai Mô hình.

8. Văn phòng Trung ương Đảng - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình Ban Bí thư ban hành "Định hướng chiến lược phát triển và cơ chế khai thác, sử dụng chung

Mạng thông tin diện rộng của Đảng trong hệ thống chính trị". Hoàn thành trong tháng 10/2025.

b) Chủ trì cập nhật Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, bảo đảm tuân thủ và là một bộ phận không tách rời của Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số.

9. Chế độ thông tin, báo cáo

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện về Văn phòng Trung ương Đảng - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương định kỳ 1 tháng/lần hoặc đột xuất để tổng hợp, báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo.

Ban Chỉ đạo Trung ương yêu cầu người đứng đầu các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương thay đổi tư duy một cách triệt để, nêu cao tinh thần trách nhiệm, coi đây là nhiệm vụ chính trị ưu tiên hàng đầu, tập trung chỉ đạo quyết liệt, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, kiến tạo một Mô hình liên thông số thực sự đột phá, hiệu quả, góp phần xây dựng quốc gia số.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo),
- Đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương (để báo cáo),
- Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KH, CN, ĐMST, CDS,
- Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong các cơ quan đảng,
- Các đồng chí: thành viên Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương; thành viên Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; thành viên Hội đồng Tư vấn quốc gia,
- Đảng uỷ Chính phủ,
- Đảng uỷ Quốc hội,
- Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương,
- Các ban đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Đảng uỷ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu,
- Lưu Ban Chỉ đạo Trung ương.

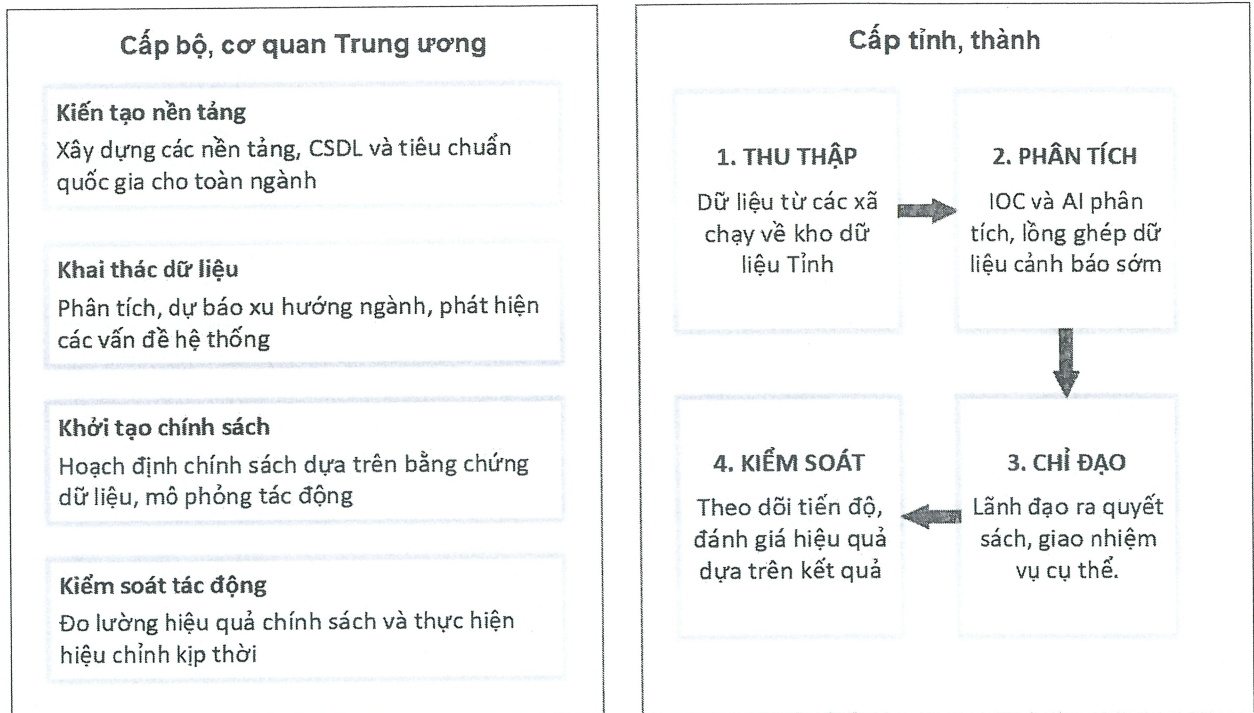
**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Trần Cẩm Tú

Phụ lục I

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ DỰA TRÊN DỮ LIỆU



Phụ lục II

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ DỰA TRÊN DỮ LIỆU CHO CẤP BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Mô hình quản trị dưới đây lấy khối các Bộ, cơ quan ngang Bộ làm ví dụ điển hình để minh hoạ các nguyên tắc và kiến trúc quản trị đã nêu. Các cơ quan Trung ương khác trong hệ thống chính trị căn cứ vào các thành phần và quy trình vận hành cốt lõi này để vận dụng sáng tạo, xây dựng mô hình chi tiết phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đặc thù của cơ quan mình trong quá trình xây dựng Kiến trúc chuyên đổi số.

1. Mục tiêu cốt lõi: Chuyển đổi vai trò của lãnh đạo Bộ

Để cụ thể hoá các nguyên tắc cốt lõi đã nêu tại Chương I, đặc biệt là Nguyên tắc 2 (Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu) và Nguyên tắc 1 (Quản trị dựa trên kết quả), trong mô hình mới, vai trò của lãnh đạo Bộ, cơ quan Trung ương phải được nâng lên một tầm cao mới, chuyển dịch căn bản từ quản lý hành chính sang kiến tạo và phát triển ngành trên không gian số:

- Từ ban hành chính sách dựa trên kinh nghiệm sang kiến tạo chính sách dựa trên bằng chứng dữ liệu.
- Từ quản lý ngành dọc qua công văn, báo cáo sang điều hành, giám sát toàn ngành theo thời gian thực thông qua các nền tảng số.
- Từ bị động xử lý các vấn đề của ngành, lĩnh vực sang chủ động phân tích, dự báo xu hướng và hoạch định chiến lược phát triển.
- Từ hoạch định chính sách dựa trên dữ liệu tổng hợp chung sang phân tích, hoạch định chính sách có tính đến yếu tố đặc thù vùng, miền. Phải chủ động thu thập, làm giàu và phân tích các bộ dữ liệu đặc thù về kinh tế, xã hội, văn hoá, an ninh của các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm chính sách được ban hành có tính bao trùm, hiệu quả và không bỏ sót bất kỳ nhóm đối tượng nào.
- Từ xây dựng các hệ thống riêng lẻ sang kiến tạo và phát triển các nền tảng số quốc gia dùng chung cho toàn ngành, lĩnh vực, phục vụ công tác quản lý và cho toàn xã hội.

2. Kiến trúc kỹ thuật hỗ trợ quản trị dựa trên dữ liệu tại cấp Bộ

Kiến trúc kỹ thuật hỗ trợ quản trị tại cấp Bộ, cơ quan Trung ương là sự cụ thể hoá các thành phần trong Kiến trúc tổng thể 04 lớp đã quy định tại Chương II của Quy định, được thiết kế chuyên sâu cho các nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực. Để hiện thực hoá vai trò trên, mỗi Bộ, cơ quan Trung ương theo nhu cầu và điều kiện

thực tế của bộ, cơ quan xây dựng và vận hành các thành phần dưới đây, bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số, cụ thể:

a) Kho dữ liệu ngành, lĩnh vực: Là nơi lưu trữ dữ liệu chuyên sâu của ngành, tổng hợp dữ liệu từ các nguồn: dữ liệu từ các nền tảng quốc gia của ngành (ví dụ: Bộ Y tế tổng hợp dữ liệu từ Nền tảng Sổ sức khoẻ điện tử), dữ liệu từ các ngành dọc tại địa phương, dữ liệu liên ngành được chia sẻ từ các Bộ, ngành khác, dữ liệu mở và dữ liệu từ các nguồn tin cậy khác.

b) Trung tâm điều hành thông minh của ngành (IOC): Là nơi trực quan hoá toàn bộ các chỉ số quan trọng của ngành trên phạm vi toàn quốc. IOC phải có khả năng tích hợp dữ liệu và phân tích chuyên sâu, so sánh hiệu quả giữa các địa phương, đánh giá tác động của chính sách và theo dõi tình hình hoạt động, hiệu quả của các nền tảng số do Bộ, ngành quản lý.

c) Nền tảng chỉ đạo, điều hành và quản lý, hoạch định chính sách dựa trên dữ liệu: Là công cụ phục vụ công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chỉ đạo, điều hành và quản lý, hoạch định, dự báo, đánh giá tác động chính sách dựa trên dữ liệu.

3. Mô hình vận hành

a) Yêu cầu về an toàn, bảo mật trong vận hành

Quá trình vận hành mô hình quản trị phải tuân thủ nghiêm ngặt Nguyên tắc 6 và các quy định sau:

- *Kiểm soát chặt chẽ phạm vi dữ liệu*: Mọi hoạt động thu thập, chia sẻ, khai thác dữ liệu phải được phân quyền chi tiết, đảm bảo nguyên tắc "đúng vai, đúng quyền" và chỉ trong phạm vi công việc được giao. Toàn bộ các hoạt động phải được ghi nhật ký để phục vụ kiểm tra, giám sát.

- *Bảo vệ dữ liệu trọng yếu*: Đối với các dữ liệu nhạy cảm, dữ liệu liên quan đến quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước, phải thiết lập các cơ chế bảo vệ đặc biệt, mã hoá và kiểm soát truy cập nghiêm ngặt, tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

b) Mô hình

Đây là quy trình khép kín giúp lãnh đạo Bộ điều hành và hoạch định chiến lược cho toàn ngành:

Bước 1: Kiến tạo nền tảng (Kiến trúc và xây dựng): Dựa trên chiến lược phát triển ngành, Bộ chủ trì xây dựng các nền tảng số quốc gia, các CSDL ngành và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho toàn ngành tuân thủ.

Bước 2: Khai thác dữ liệu (Phân tích và dự báo): Sử dụng Kho dữ liệu ngành và IOC để liên tục phân tích các xu hướng, phát hiện các điểm nghẽn, các vấn đề mang tính hệ thống trên toàn quốc (ví dụ: tình trạng thiếu thiết bị y tế tại một số vùng; chất lượng giáo dục không đồng đều...).

Bước 3: Khởi tạo chính sách (Hoạch định và ban hành): Dựa trên kết quả phân tích, lãnh đạo Bộ sử dụng Nền tảng chỉ đạo, điều hành và quản lý, hoạch định chính sách để thiết kế các chính sách mới. Các chính sách được ban hành với các mục tiêu, chỉ số đo lường rõ ràng, được giao nhiệm vụ triển khai trên toàn hệ thống.

Bước 4: Kiểm soát tác động (Đo lường và hiệu chỉnh): Hệ thống tự động theo dõi việc thực thi và đo lường tác động của chính sách thông qua các KPIs đã xác định. Lãnh đạo Bộ đánh giá hiệu quả và thực hiện các điều chỉnh cần thiết một cách kịp thời, tạo ra một chu trình hoạch định chính sách linh hoạt và liên tục được cải tiến.

4. Yêu cầu đối với Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số

Để mô hình cấp Bộ vận hành hiệu quả, Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số phải:

- Bảo đảm cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu liên ngành (giữa các Bộ, ngành), liên cấp (giữa bộ với tỉnh) và giữa các đơn vị trong nội bộ một cách thông suốt, an toàn.
- Phân định rõ trách nhiệm xây dựng và quyền khai thác các nền tảng, CSDL ngành, tránh chồng chéo, trùng lặp.
- Cung cấp Nền tảng AI dùng chung để các Bộ, ngành có thể ứng dụng vào việc phân tích, dự báo các bài toán phức tạp của bộ, ngành mình.

Mô hình này, khi kết hợp với mô hình quản trị cấp tỉnh, sẽ tạo ra một hệ thống quản trị quốc gia vừa thống nhất ở tầm vĩ mô, vừa linh hoạt, chủ động ở cấp thực thi, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Phụ lục III

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ DỰA TRÊN DỮ LIỆU

CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ

1. Mục tiêu cốt lõi: Chuyển đổi vai trò của lãnh đạo tỉnh, thành phố

Để hiện thực hoá các nguyên tắc cốt lõi đã nêu tại Chương I của Quy định, đặc biệt là Nguyên tắc 4 (Phân cấp, phân quyền) và Nguyên tắc 2 (Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu), trong mô hình mới, vai trò của lãnh đạo tỉnh (Bí thư, Chủ tịch tỉnh) phải có sự chuyển dịch căn bản để quản trị hiệu quả địa bàn trong bối cảnh phân cấp và sắp xếp đơn vị hành chính:

- Từ chỉ đạo qua cuộc họp sang chỉ đạo dựa trên dữ liệu theo thời gian thực.
- Từ bị động xử lý sự vụ sang chủ động phân tích, dự báo và cảnh báo sớm.
- Từ việc đưa ra các chỉ đạo chưa cụ thể, rõ ràng sang ban hành các quyết sách có mục tiêu, có thể đo lường và được cá nhân hoá cho từng địa bàn.

Chuyển đổi phương thức quản lý từ chủ yếu dựa trên mệnh lệnh, một chiều sang phát huy vai trò trao quyền, nâng cao năng lực và tăng cường giám sát kết quả thực thi của cấp xã thông qua các công cụ số. Việc trao quyền phải gắn liền với cơ chế hỗ trợ, đào tạo và bố trí nguồn lực phù hợp, bảo đảm cấp xã có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ. Đối với các xã có điều kiện đặc biệt khó khăn, cấp tỉnh cần xác định lộ trình và ban hành cơ chế hỗ trợ đặc thù.

2. Kiến trúc kỹ thuật hỗ trợ quản trị dựa trên dữ liệu tại cấp tỉnh

Kiến trúc kỹ thuật hỗ trợ quản trị tại cấp tỉnh là sự cụ thể hoá các thành phần trong Kiến trúc tổng thể 04 lớp đã quy định tại Chương II, được thiết kế để phục vụ công tác quản lý, điều hành toàn diện trên địa bàn. Để hiện thực hoá mục tiêu trên, mỗi tỉnh theo nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương, xây dựng và vận hành các thành phần dưới đây, bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số, cụ thể:

a) Kho dữ liệu của tỉnh: Là nền tảng tổng hợp dữ liệu từ nhiều nguồn: dữ liệu từ các CSDL Quốc gia, CSDL chuyên ngành, dữ liệu từ các sở, ngành của tỉnh và dữ liệu thời gian thực từ cấp xã (về kinh tế, xã hội, an ninh trật tự, môi trường, phản ánh của người dân...).

b) Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh: Là nơi trực quan hoá dữ liệu từ Kho dữ liệu của Tỉnh, có khả năng kết hợp các lớp dữ liệu để tạo ra tri thức mới và cung cấp các Dashboard chuyên đề được cá nhân hoá cho từng vai trò lãnh đạo, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu.

c) Các nguồn và công cụ thu thập dữ liệu tại cấp xã: Để quản lý hiệu quả, dữ

liệu từ cấp xã phải được thu thập tự động và chuẩn hoá, bao gồm: Ứng dụng di động cho cán bộ cơ sở, hệ thống tại Bộ phận Một cửa và tích hợp cảm biến (IoT) ở những nơi cần thiết (môi trường, giao thông...); Kết nối, tích hợp với các hệ thống thông tin của các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn (bệnh viện, trường đại học, thuế, kho bạc...) và các hệ thống của doanh nghiệp để làm giàu kho dữ liệu của tỉnh.

d) Bộ phận phân tích dữ liệu của tỉnh: Tận dụng Nền tảng AI dùng chung của Quốc gia và xây dựng các mô hình phân tích, dự báo đặc thù cho tỉnh để giải quyết các bài toán như: dự báo nguy cơ dịch bệnh, phát hiện điểm nóng về an ninh trật tự, phân tích xu hướng khiếu nại, tố cáo; phân tích dữ liệu về kinh tế - xã hội của tỉnh...

3. Mô hình vận hành

a) Yêu cầu về an toàn, bảo mật trong vận hành

Quá trình vận hành mô hình quản trị phải tuân thủ nghiêm ngặt Nguyên tắc 6 và các quy định sau:

- Kiểm soát chặt chẽ phạm vi dữ liệu: Mọi hoạt động thu thập, chia sẻ, khai thác dữ liệu phải được phân quyền chi tiết, đảm bảo nguyên tắc "đúng vai, đúng quyền" và chỉ trong phạm vi công việc được giao. Toàn bộ các hoạt động phải được ghi nhật ký để phục vụ kiểm tra, giám sát.

- Bảo vệ dữ liệu trọng yếu: Đối với các dữ liệu nhạy cảm, dữ liệu liên quan đến quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước, phải thiết lập các cơ chế bảo vệ đặc biệt, mã hoá và kiểm soát truy cập nghiêm ngặt, tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

b) Mô hình quản trị "Thu thập - Phân tích - Chỉ đạo - Kiểm soát"

Đây là quy trình khép kín giúp lãnh đạo tỉnh quản lý hiệu quả hàng trăm xã mà không cần thị sát liên tục:

Bước 1: Thu thập: Dữ liệu từ cấp xã và các hệ thống chuyên ngành tự động gửi về Kho dữ liệu của tỉnh theo thời gian thực.

Bước 2: Tương quan hoá và phân tích: Lãnh đạo sử dụng Trung tâm điều hành thông minh để xem xét các dữ liệu đã được lồng ghép, phân tích. Hệ thống AI dùng chung tự động phân tích và đưa ra các cảnh báo sớm về các điểm bất thường.

Bước 3: Chỉ đạo: Dựa trên phân tích, lãnh đạo tạo một nhiệm vụ trên hệ thống, giao trực tiếp cho cấp dưới, nêu rõ yêu cầu, thời hạn và cách thức báo cáo.

Bước 4: Kiểm soát và đánh giá: Lãnh đạo theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ trên Dashboard. Hiệu quả của chỉ đạo được đo lường bằng việc các chỉ số liên quan có thay đổi tích cực sau khi can thiệp hay không, đây chính là quản trị dựa trên kết quả.

4. Yêu cầu đối với Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số

Để mô hình cấp tỉnh hoạt động được, Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số cần phải:

- Bảo đảm luồng dữ liệu thông suốt từ Trung ương xuống cấp tỉnh, cấp xã; liên vùng, liên tỉnh.
- Cung cấp các chuẩn kết nối (API) mở để Kho dữ liệu của Tỉnh có thể tích hợp dễ dàng.
- Cung cấp Nền tảng AI dùng chung để các tỉnh không có đủ nguồn lực vẫn có thể khai thác các năng lực thông minh.
- Phân cấp rõ ràng quyền truy cập và khai thác dữ liệu cho từng cấp, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin.

Bằng cách triển khai mô hình này, địa phương sẽ thực sự được phân cấp, trao quyền, đồng thời năng lực giám sát, điều hành của lãnh đạo địa phương được nâng lên một tầm cao mới bảo đảm hiệu quả, chính xác và kịp thời, đáp ứng yêu cầu quản trị trong tình hình mới.

